



Họ và tên :

BÀI TẬP THEO TUẦN

Lớp: 1

TUẦN 21**1. Nói (theo mẫu):**

Hai mươi một	63	55	Chín mươi chín
Sáu mươi ba	21	99	Tám mươi bảy
Bốn mươi tám	29	87	Năm mươi lăm
Ba mươi sáu	48	46	Bốn mươi sáu
Hai mươi chín	74	31	Sáu mươi lăm
Bảy mươi tư	36	65	Ba mươi một

2. Viết tiếp vào chỗ chấm (theo mẫu):

Mẫu : Số 26 gồm 2 chục và 6 đơn vị, ta viết : $26 = 20 + 6$.

- Số 48 gồm ... chục và ... đơn vị, ta viết :
- Số 72 gồm ... chục và ... đơn vị, ta viết :
- Số 96 gồm ... đơn vị và ... chục, ta viết :
- Số 77 gồm ... đơn vị và ... chục, ta viết :
- Số 89 gồm ... đơn vị và ... chục, ta viết :

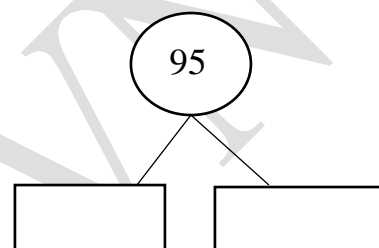
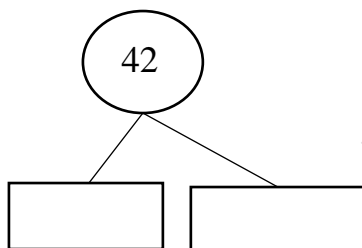
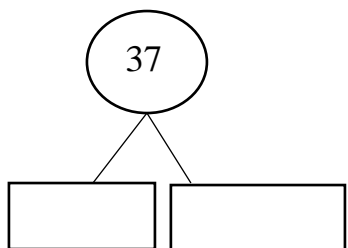
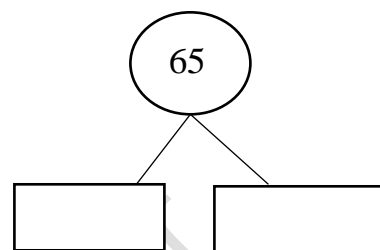
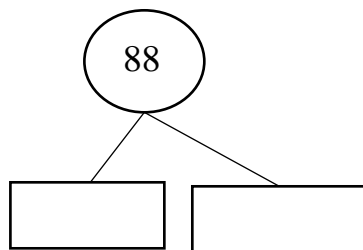
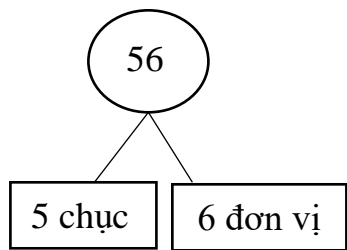
3. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

- Số liền sau của 35 là
- Số 62 liền trước số :

Số liền trước của 42 là Số 88 liền sau số :

- Khoanh vào số lớn nhất : 29, 22, 50, 67, 89
 - Khoanh vào số bé nhất : 65, 30, 48, 76, 97

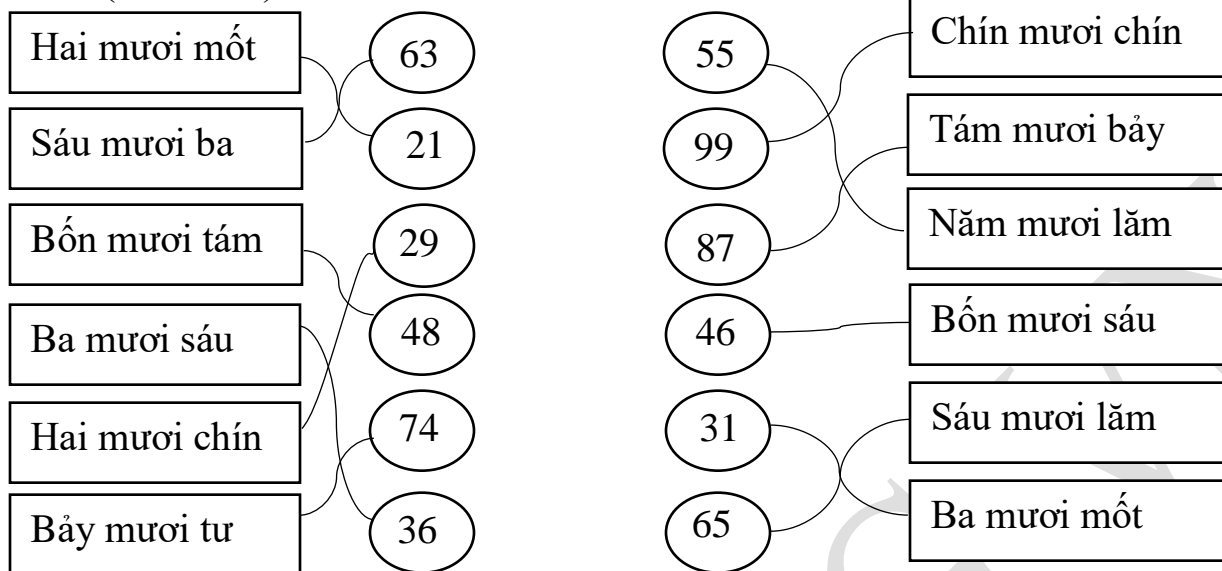
5. Điền số thích hợp vào ô trống :



CHÚC CON HOÀN THÀNH TỐT BÀI LÀM CỦA MÌNH

GỢI Ý/HƯỚNG DẪN GIẢI

2. Nói (theo mẫu):



2. Viết tiếp vào chỗ chấm (theo mẫu):

Mẫu : Số 26 gồm 2 chục và 6 đơn vị, ta viết : $26 = 20 + 6$.

a) Số 48 gồm 4 chục và 8 đơn vị, ta viết : $48 = 40 + 8$

b) Số 72 gồm 7 chục và 2 đơn vị, ta viết : $70 + 2$

c) Số 96 gồm 6 đơn vị và 9 chục, ta viết : $96 = 90 + 6$

d) Số 77 gồm 7 đơn vị và 7 chục, ta viết : $77 = 70 + 7$

e) Số 89 gồm 9 đơn vị và 8 chục, ta viết : $89 = 80 + 9$

3. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Số liền sau của 35 là 36

b) Số 62 liền trước số : 63

Số liền trước của 42 là 41

Số 88 liền sau số : 87

4. a) Khoanh vào số lớn nhất : 29, 22, 50, 67, **89**

b) Khoanh vào số bé nhất : 65, **30**, 48, 76, 97

5. Điền số thích hợp vào ô trống :

